

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 588 /2019/DS-PT

Ngày: 24-6-2019

V/v Tranh chấp lỗi đi.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Như Hà

Các Thẩm phán: Ông Lê Ngọc Tường

Bà Lê Thị Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chi – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Đào Thị Xuân Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 175/2019/TLPT-DS ngày 28 tháng 02 năm 2019 về việc “Tranh chấp lỗi đi chung”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 611/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận G bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1962/2019/QĐ-PT ngày 29 tháng 4 năm 2019, quyết định hoãn phiên tòa số 452/QĐPT-DS ngày 27 Tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: 1. Ông Nguyễn Ngọc L;
2. Bà Phạm Thị M.

Cùng địa chỉ: Số 36/7 Đường Đ, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh H; địa chỉ: Số 171A đường Nguyễn Văn T, Khu phố 8, huyện B, tỉnh LA (Văn bản ủy quyền lập ngày 02/6/2017 tại Phòng công chứng số D, Thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng 022527, quyền số: 06/TP/CC-SCC/HĐGD).

Bị đơn:

1. Ông Cao Văn X; địa chỉ: Số 220/48/32 Đường số 5, tổ 57, Khu phố 8, Phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Ông Đặng Văn A; địa chỉ: Số 220/48/28 Đường số 5, tổ 57, Khu phố 8, Phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

3. Bà Phùng Thị Xuân T; địa chỉ: Số 220/48/29 Đường số 5, tổ 57, Khu phố 8, Phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

4. Bà Trần Phương T2; địa chỉ: Số 220/48/30 Đường số 5, tổ 57, Khu phố 8, Phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

5. Bà Trần Thị A; địa chỉ: Số 220/48/13 Đường số 5, tổ 57, Khu phố 8, Phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

6. Ông Đỗ Hồng H; địa chỉ: Số 220/48/15 Đường số 5, tổ 57, Khu phố 8, Phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Ông Phạm Chí N; địa chỉ: Số 220/48/27 Đường số 5, tổ 57, Khu phố 8, Phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

8. Bà Văn Thị P; địa chỉ: Số 220/48/46 Đường số 5, tổ 57, Khu phố 8, Phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Đặng Văn H2; địa chỉ: Số 220/48/26 Đường số 5, tổ 57, Khu phố 8, Phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người làm chứng: Bà Lê Thị B; địa chỉ: Số 114/30 đường V, Tổ 33, Khu phố 5, Phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Phiên tòa có mặt Ông Nguyễn Thanh H; Ông Cao Văn X, vắng mặt các ông, bà: Ông Đặng Văn A, bà Phùng Thị Xuân Thắm, Bà Trần Phương T2, Bà Trần Thị A, Ông Đỗ Hồng H, ông Phạm Chí N, Bà Văn Thị P, ông Đặng Văn H2, Bà Lê Thị B).

Người kháng cáo: bị đơn Ông Cao Văn X.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tóm tắt nội dung và quyết định sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/4/2014, và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ông Nguyễn Thanh H trình bày:

Ngày 10 tháng 4 năm 2003 Bà Phạm Thị M và Bà Lê Thị B có ký hợp đồng chuyển nhượng mua bán nhà đất (giấy tay, bản chính đã thất lạc) với nội dung bà B chuyển nhượng cho nguyên đơn lô đất có diện tích 65m², hiện trạng ngang 5.8m, dài 11.2m thuộc số thửa 391,403, tờ bản đồ 01 theo tài liệu 02 thuộc đường T, Phường 11, Quận G (hiện nay là một phần thửa đất số 42 tờ bản đồ 39, Phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi mua xong nguyên đơn đã rào khu đất này lại bằng lưới B40, cổng làm bằng cửa sắt, đường đi được lát bằng xi măng rộng khoảng 1.05m, phần lối đi này thuộc thửa 43-1.

Năm 2006 nguyên đơn có nhờ bà Đặng Kim N đứng tên dùm đối với thửa đất trên để lập thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (vì theo quy định của pháp luật thời điểm đó người có hộ khẩu ở tỉnh không được đứng tên xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Thành phố Hồ Chí Minh), nhưng thửa đất trên vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận nên bà N đã trả lại đất trên cho nguyên đơn theo xác nhận của Ủy ban nhân dân Phường P, Quận G ngày 25/01/2013.

Sau đó nguyên đơn trực tiếp đứng tên làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên, khi tiến hành đo vẽ lập hồ sơ hiện trạng vị trí đất để bổ túc hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận được Phòng tài nguyên và môi trường kiểm tra nội nghiệp ngày 04/12/2012 thể hiện phần đất của nguyên đơn tại thời điểm này thể

hiện hướng Tây Nam (hẻm 220/48) có lối đi vào là hẻm xi măng rộng 1.05m, trong khi chờ được Ủy ban nhân dân Quận G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, năm 2013 một số hộ dân xung quanh thửa đất đã xây lên một bức tường cao khoảng 2m x 1.05m chắn ngang lối vào thửa đất của nguyên đơn dẫn đến tranh chấp. Nguyên đơn đã có đơn đề nghị Ủy ban nhân dân Phường P, Quận G hòa giải nhưng không thành theo Thông báo về việc hòa giải không thành số 11/TB-UBND ngày 01/4/2013 của Ủy ban Phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp lối đi giữa nguyên đơn và các hộ dân thuộc hẻm 220/48 nêu trên. Yêu cầu bị đơn phải tháo dỡ bức tường lối vào thửa đất của nguyên đơn. Trường hợp bị đơn không tháo dỡ thì nguyên đơn sẽ tự tháo dỡ và bị đơn không cản trở nguyên đơn mở lối đi qua hẻm 220/48 Đường số 5, tổ 57, Khu phố 8, Phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Cao Văn X, Ông Đặng Văn A, Bà Phùng Thị Xuân T, Bà Trần Phương T2, Bà Trần Thị A, Ông Đỗ Hồng H, ông Phạm Chí N, Bà Văn Thị P:

Các ông bà mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập đến tòa lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các ông, bà: Xênh, Ân, Thẩm, Thảo, Anh, Hà, Nghĩa, Phụng không đến nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và cũng không ghi nhận được ý kiến của ông, bà: X, A, T, T, A, H, N, P đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn H2 trình bày:

Ông xác nhận năm 1999 ông có sang nhượng cho Bà Lê Thị B một lô đất có lối đi riêng. Do lô đất chưa cất nhà, thấy có lối đi không giữ được vệ sinh chung, an ninh trật tự nên bà con hùn tiền xây bức tường bít lối đi này để giữ vệ sinh chung và an ninh trật tự. Nay bà Bé đã chuyển lô đất trên cho ông L, bà M, bản thân ông đồng ý để ông L, bà M tháo dỡ bức tường mở lối đi ra như ban đầu, nhưng các hộ dân không đồng ý tháo dỡ bức tường nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng Bà Lê Thị B trình bày:

Bà xác nhận khoảng năm 2003 bà có chuyển nhượng cho vợ chồng Ông Nguyễn Ngọc L, Bà Phạm Thị M lô đất diện tích 64,5m² bằng giấy tay, nay thuộc tổ dân phố 57, Phường P, Quận G, khi chuyển nhượng thì thửa đất này có lối đi vào có chiều rộng khoảng hơn một mét, lối đi này khi bà chuyển nhượng đất của bà Nguyễn Thị Ngọc Sơn bà có đưa cho bà Sơn số tiền 1.500.000 (Một triệu năm trăm ngàn đồng) để mua đường đi của ông Đặng Văn H2 là chủ đất một lối đi theo suốt chiều dài của hai dãy nhà (đường đi giữa), việc này ông Đặng Văn H2 cũng xác nhận, nếu khi mua đất mà không có lối đi như hiện nay thì bà không mua thửa đất này. Sau đó ông L, bà M đã rào khu đất này bằng lưới B40, đường đi lát bằng xi măng rộng khoảng 1.05m thông ra hẻm 220/48 hiện nay. Khoảng tháng 7/2006 khi tổ dân phố kêu gọi các hộ dân có nhà đất ở khu vực này cùng nhau góp tiền để tu sửa con đường hẻm, vì lúc đó ông L, bà M đi làm ăn xa nhờ bà đóng dùm nên bà đã gửi tiền nhờ bà Lê Thị U là người ở gần lô đất đóng dùm tiền cho tổ dân phố, ông Đặng Văn H2 (tổ trưởng tổ dân phố) thay mặt tổ dân phố thu số tiền là 1.300.000 (Một triệu ba trăm ngàn) đồng, trong phiếu thu ghi rõ lý do nộp là đóng tiền làm đường và cống thoát nước của tổ. Sau khi chuyển nhượng đất cho ông L, bà M thì bà đã giao đất và nhận tiền đầy đủ theo thỏa thuận không có tranh chấp và cũng không có quyền, nghĩa vụ gì liên quan đến nhau nữa, bà đề nghị được vắng mặt trong các buổi làm việc và xét xử tại Tòa án. Bị đơn vắng mặt không có ý kiến trình bày.

Bản án sơ thẩm số 611/2018/DS-ST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận G đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông Nguyễn Ngọc L, Bà Phạm Thị M được quyền tháo dỡ bức tường (có chiều ngang 1,4m, chiều cao 2,3m theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/8/2018) chắn lối vào Thửa đất số 42, tờ bản đồ 39 Phường P (cũ Phường I), Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh để mở lối đi ra hẻm 220/48 Đường số 5, tổ 57, Khu phố 8, Phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Chi phí tháo dỡ bức tường trên nguyên đơn tự nguyên chịu.

Các đương sự Thi hành dưới sự giám sát của Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014). Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Bản ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự

Ngày 22/01/2019 Ông Cao Văn X có đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị hội đồng xét xử y án sơ thẩm;

Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu đã kháng cáo;

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn H2; các đồng bị đơn : Ông Đặng Văn A; Bà Phùng Thị Xuân T; Bà Trần Phương T2; Bà Trần Thị A; Ông Đỗ Hồng H; Ông Phạm Chí N; Bà Văn Thị P vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về hình thức: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho viện kiểm sát nghiên cứu và thủ tục tại phiên tòa. Người tham gia tố tụng đúng, chấp hành đúng nội quy phiên tòa.

Về nội dung kháng cáo: xét bị đơn Ông Cao Văn X yêu cầu sửa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét cấp sơ thẩm điều tra làm rõ; yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị y bản án sơ thẩm số 611/2018/DS-ST ngày 29/11/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của Ông Cao Văn X nộp trong thời hạn theo quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; đương sự có kháng cáo có đơn đề nghị miễn tạm nộp án phí phúc thẩm và thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Chương I Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án nên được chấp nhận xem xét lại bản án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn H2; các đồng bị đơn : Ông Đặng Văn A; Bà Phùng Thị Xuân T; Bà Trần Phương T2; Bà Trần Thị A; Ông Đỗ Hồng H; Ông Phạm Chí N; Bà Văn Thị P vắng mặt không lý do mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ. Căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự trên.

[3] Về nội dung kháng cáo, bị đơn Ông Cao Văn X yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; cho rằng khi giải quyết vụ án Tòa án nhân dân Quận G đã không xem xét đầy đủ các tình tiết, tình trạng thực tế. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về nguồn gốc đất cấp sơ thẩm đã xem xét, xác minh đầy đủ đối với thửa đất số 42, tờ bản đồ 39 Phường P (cũ Phường 11), Quận G : thể hiện thửa đất có nguồn gốc thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất số 28/GCN-RĐ ngày 30/7/1984 do Ủy ban nhân dân Quận G cấp cho ông Đặng Văn Ba, với diện tích 2.404 m². Ông Ba chết, hộ con của ông Ba là ông Đặng Văn H2 sử dụng 2.240 m² theo biên bản có Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận G chứng nhận ngày 05/10/1998 ; Năm 1999, ông Hoá chuyển nhượng phần đất diện tích 66,12 m² cho Bà Lê Thị B theo đơn xin tái xác nhận có Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận G chứng nhận ngày 06/02/1999. Ngày 10/4/2003, bà Bé chuyển nhượng phần đất cho Bà Phạm Thị M bằng giấy tay. Như vậy việc nguyên đơn nhận chuyển nhượng phần đất trên là có thật. Đối với lối vào thửa đất trên là hẻm xi măng rộng 1.05m, nhưng hiện trạng thấy thửa đất không có lối vào (do các hộ gia đình xung quanh đã xây tường chắn lối vào) và phần lối đi vào chưa thuộc quyền quản lý, sử dụng của ai.

Xét Tòa cấp sơ thẩm căn cứ quy định pháp luật về việc chủ sở hữu có bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có hoặc không đủ lối đi ra đường công cộng thì có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản vây bọc dành cho mình một lối đi hợp lý trên phần đất của họ.... để chấp nhận yêu cầu mở lối đi của nguyên đơn là có cơ sở.

Về việc xác định giá trị bức tường chắn lối vào thửa đất 42, tờ bản đồ 39 có chiều ngang 1,4m, chiều cao 2,3m do các hộ dân trong hẻm tự đóng góp tiền, tự xây dựng nhưng không xác định hộ nào có đóng góp xây dựng; căn cứ vào biên bản định giá ngày 09/8/2018 phần giá trị xây dựng bức tường chắn lối đi vào thửa đất có giá trị 1.010.354 đồng; Do các bị đơn không đến Tòa để trình bày ý kiến và đưa ra yêu cầu nên Tòa cấp sơ thẩm xác định nếu phát sinh tranh chấp có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thành vụ kiện khác là phù hợp.

Xét các đương sự không bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; xét Tòa án cấp sơ thẩm đã điều tra xác minh đầy đủ, căn cứ các quy định pháp luật đã viện dẫn, xác định cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử y bản án sơ thẩm.

Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, có căn cứ chấp nhận như đã nhận định phân tích ở trên.

Về án phí :

Án phí dân sự sơ thẩm: là 200.000đ(Hai trăm nghìn đồng) nguyên đơn Ông Nguyễn Ngọc L, Bà Phạm Thị M tự nguyện chịu nhưng được cản trừ vào số tiền tạm

ứng án phí ông L, bà M đã nộp theo biên lai thu số 01006 ngày 09/5/2014 của Chi cục thi hành án dân sự Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông L, bà M đã nộp đủ án phí.

Án phí dân sự phúc thẩm: xét Ông Cao Văn X là người cao tuổi; có đơn xin được miễn án phí phúc thẩm và thuộc trường hợp được miễn theo quy định nên Ông Cao Văn X không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 272, Điều 273, Khoản 2 Điều 296 và Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 275 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 24, Điều 27 pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án; khoản 1 mục I Danh mục Mức án phí, lệ phí Tòa án(Ban hành kèm theo Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009)

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Chương I Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 611/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận G Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Nguyễn Ngọc L, Bà Phạm Thị M được quyền tháo dỡ bức tường (có chiều ngang 1,4m, chiều cao 2,3m theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/8/2018) chắn lối vào Thửa đất số 42, tờ bản đồ 39 Phường P (cũ Phường 11), Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh để mở lối đi ra hẻm 220/48 Đường số 5, tổ 57, Khu phố 8, Phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chi phí tháo dỡ bức tường trên nguyên đơn tự nguyện chịu.

Các đương sự Thi hành khi án có hiệu lực dưới sự giám sát của Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Là 200.000 (Hai trăm ngàn) Ông Nguyễn Ngọc L, Bà Phạm Thị M tự nguyện chịu nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông L, bà M đã nộp theo biên lai thu số 01006 ngày 09/5/2014 của Chi cục thi hành án dân sự Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông L, bà M đã nộp đủ án phí.

Án phí dân sự phúc thẩm: miễn toàn bộ án phí phúc thẩm cho Ông Cao Văn X.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận G;
- Tòa án nhân dân Quận G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Như Hà

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Ngọc Tường Lê Thị Ngọc Hương

Huỳnh Thị Như Hà